TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2017/DS-ST
Ngày 04 tháng 7 năm 2017
"V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Dung và bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Quang Đại, Thư ký Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

Ngày 04 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2016/TLST - DS ngày 28 tháng 12 năm 2016, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐST - DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A (viết tắt là A)

Địa chỉ: Tòa nhà T, phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T -Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng an ninh và phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, trung tâm thu hồi nợ - khối tín dụng tiêu dùng- Ngân hàng Thương mại cổ phần A (Văn bản ủy quyền số 16/2016/UQ-CT ngày 10 tháng 8 năm 2016).

Người được ủy quyền lại: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền số 292/2016/UQ-GĐK-TDTD ngày 21 tháng 11 năm 2016, có mặt).

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Thanh H , sinh năm 1986.

Trú tại: phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2016 và các lời khai tiếp theo người đại điện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Lê Thị Thu H trình bày:

Ngày 15/3/2014 chị Hoàng Thị Thanh H có ký hợp đồng tín dụng số: 20140318 -129006 – 0002 với A để vay số tiền 42.000.000đồng. Mục đích vay là tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận giữa hai bên thì lãi suất là 2,92%/tháng; phương thức trả nợ trong vòng 36 tháng. Tổng số tiền chị H phải trả cả gốc và lãi trong 36 tháng là 69.289.000đ, cụ thể: Trong 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.900.000đ, tháng cuối cùng trả 2.789.000đ, kỳ thanh toán vào ngày 1 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/5/2014.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, chị H đã nhận đủ tiền vay. Quá trình vay vốn, đến ngày 11/11/2016 chị H đã trả cho A được 1 lần để thanh toán vào kỳ trả nợ thứ 1 (ngày 1/5/2014) với số tiền 2.000.000đ trong đó tiền gốc 348.333đ, tiền lãi 1.651.667đ. Kể từ kỳ trả nợ thứ 2 (tính từ ngày 02/5/2014) chị H không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào, mặc dù A đã có nhiều biện pháp nhắc nhở. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên, A có quyền yêu cầu chị H thanh toán ngay toàn bộ các khoản nợ chưa đến hạn, khi chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Nay A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị H phải hoàn trả toàn bộ số tiền gốc là 41.651.667 đ; tiền lãi trong hạn tính từ ngày 02/5/2014 đến hết ngày 01/4/2017 (ngày hết hạn Hợp đồng tín dụng) là 25.637.333đ; tiền lãi; tiền lãi quá hạn tính từ ngày 02/4/2017 đến hết ngày 04/7/2017 là 1.433.233đ. Tổng cộng là 68.722.233đ. Ngoài ra, A còn yêu cầu buộc chị H phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán của số tiền gốc 41.651.667đ theo lãi suất chậm trả do A quy định tính từ ngày 05/7/2017 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị không áp dụng đối với tiền lãi phạt chậm trả 300.000đ/1 kỳ theo Hợp đồng tín dụng mà sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đề nghị áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn, chị Hoàng Thị Thanh H trình bày: Về thời gian, số tiền vay, mục đích vay, hình thức vay, lãi suất vay, phương thức trả nợ, số tiền đã trả và còn nợ như bà Lê Thị Thu H trình bày là đúng. Chị đồng ý trả cho A số tiền gốc còn lại là 41.651.667đ; tiền lãi trong hạn tính từ ngày 02/5/2014 đến hết ngày 01/4/2017 (ngày hết hạn Hợp đồng tín dụng) là 25.637.333đ; tiền lãi; tiền lãi quá hạn tính từ ngày 02/4/2017 đến hết ngày 04/7/2017 là 1.433.233đ. Tổng cộng là 68.722.233đ. Tuy nhiên, chị xin được trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A với chị Hoàng Thị Thanh H .

Xét yêu cầu khởi kiện của A thấy rằng giữa A với chị Hoàng Thị Thanh H đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 20140318 -129006 – 0002 ngày 15 tháng 3 năm 2014, theo đó A cho chị H vay số tiền 42.000.000đ với lãi suất, mục đích vay, hình thức, phương thức trả nợ như các bên đã trình bày cụ thể ở trên. Hợp đồng trên là hợp pháp để các bên thực hiện, kể cả việc thỏa thuận giữa các bên về mức lãi suất 2,92%/tháng vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất…" và theo quy định tại Điều 1,Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: "Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng…". Do vậy, việc thỏa thuận giữa A và chị H về mức lãi suất trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng với A, chị H đã trả được 1 lần vào ngày 11 tháng 11 năm 2016 để thanh toán vào kỳ trả nợ thứ 1 (ngày 1/5/2014) với

số tiền 2.000.000đ, (trong đó tiền gốc là 348.333đ, tiền lãi là 1.651.667đ). Kể từ kỳ trả nợ thứ 2 (tính từ ngày 02/5/2014) cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 01/4/2017 chị H không trả nợ cho A. A yêu cầu chị H trả nợ số tiền 68.722.233đ. Trong đó số tiền gốc 41.651.667đ; lãi trong hạn là 25.637.333đ và lãi quá hạn của số tiền gốc tính từ ngày 02/4/2017 đến hết ngày xét xử (ngày 04/7/2017) là 1.433.233đ. Chị H đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của A, nhưng do điều kiện khó khăn chị H xin được khất nợ trả dần song nguyên đơn không đồng ý. Do chị H đã vi phạm cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên cần buộc chị H phải trả cho A số tiền 68.722.233đ, trong đó tiền gốc 41.651.667đ; tiền lãi trong hạn là 25.637.333đ và tiền lãi quá hạn là 1.433.233đ. Đối với số tiền lãi phạt chậm trả 300.000đ/1 kỳ theo Hợp đồng tín dụng, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị không áp dụng mà sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đề nghị áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét thấy, đây là sự tự nguyện, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn chị Hoàng Thị Thanh H phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả là 68.722.233 đ x 5% = 3.436.111đ (làm tròn 3.436.000 đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 27/2/2009 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc chị Hoàng Thị Thanh H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền là 68.722.233đ (Sáu mươi tám triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn hai trăm ba mươi ba đồng). Trong đó số tiền gốc 41.651.667đ (Bốn mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng); lãi trong hạn là 25.637.333đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) và lãi quá hạn là 1.433.233đ (Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Hoàng Thị Thanh H không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất 20%/năm của số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Thanh H phải chịu 3.436.000 đồng. Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Vsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.710.000đồng (Một triệu bảy trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2014/0003959 ngày 26/12/2016, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Vân Hồng